

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI TỪ SƠN

Số: 15/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Từ Sơn, ngày 01 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần gạch ngói Từ Sơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI TỪ SƠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch ngói Từ Sơn được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 20/3/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch ngói Từ Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này « Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần gạch ngói Từ Sơn ».

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các Quyết định trước đây khác với Quyết định này đều không còn hiệu lực.

Điều 3: Các ông (bà): Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Cơ

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI TỪ SƠN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 7 năm 2021
của HĐQT Công ty cổ phần gạch ngói Từ Sơn)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Điều lệ Công ty”: Là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 20 tháng 3 năm 2021.

- “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

- Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

+ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.

+ Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

+ Đối xử công bằng giữa các cổ đông.

+ Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

+ Minh bạch trong hoạt động của Công ty.

- + Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
 - “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;
 - “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch ngoáy Từ Sơn.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

- Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

- Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

- Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Cổ đông được đối xử công bằng;
- Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4: Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức bỏ phiếu và bầu cử;
- Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- Thông báo kết quả bỏ phiếu và bầu cử;
- Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.

2. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian cần thiết để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải có tối thiểu các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 6: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải có tối thiểu các nội dung sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tại Website của Công ty trong một khoảng thời gian hợp lý tối thiểu là 21 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các ứng viên Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị bằng cách gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử.

- Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử 01 ứng viên Hội đồng quản trị; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 ứng viên HĐQT; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng viên HĐQT; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng viên HĐQT và từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên Hội đồng quản trị;

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một quy chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải được công bố rõ ràng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Công ty quy định tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị nhưng các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.

3. Để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên chấp thuận.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty, không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 9: Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là: Cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Không phải là: Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

c) Không phải là: Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác.

d) Không phải là: Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

đ) Không phải là: Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;

e) Không phải là: Người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty;

g) Là người: Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

h) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

i) Là người: Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên giới thiệu và đề cử. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên không đề cử đủ số ứng viên thì phải do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm một số chức danh lãnh đạo Công ty. Thời gian kiêm nhiệm không nhất thiết phải thay đổi khi hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một số lĩnh vực và công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị, hàng tháng phải báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và hàng quý báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công.

4. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động của Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.

- Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền chi cho mỗi thành viên được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

- Tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành được trả 01 lần/năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử 02 hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm 01 hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 10: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

- Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

- Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Là người chịu trách nhiệm chung mọi công việc của Hội đồng quản trị, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

- Thay mặt cho Hội đồng quản trị ký nhận tài sản, nguồn vốn, đất đai và các nguồn lực khác do các cổ đông giao cho Công ty.

- Thay mặt cho Hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê Giám đốc điều hành để giao tài sản, đất đai và các nguồn lực khác, đồng thời hợp đồng rõ trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi của Giám đốc điều hành.

- Ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện tại Công ty hoặc báo cáo các cơ quan chức năng.

- Triệu tập, làm Chủ tọa và phân công các thành viên Hội đồng quản trị, chuẩn bị các nội dung cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc Công ty và đơn vị trực thuộc.

Là đại diện pháp nhân của Công ty, Nhà máy và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về điều hành hoạt động

của Công ty, Nhà máy theo Điều lệ Công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

4. Các thành viên khác do Chủ tịch hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm của Công ty, có thể được phân công công việc theo tính chất chuyên đề hoặc tham gia một số việc đột xuất do Hội đồng quản trị phân công.

Điều 11: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty. Công ty xây dựng cơ cấu quản trị Công ty đảm bảo Hội đồng quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Quyết định các giao dịch và hợp đồng theo quy định nêu tại điểm c khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công ty và khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12: Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao

1. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm hay bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;

- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

Điều 13: Họp Hội đồng quản trị

1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần vào thời gian không quá ngày 30 của tháng đầu quý sau, khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể họp bất thường khi có yêu cầu theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty “Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.

- a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;
- b) 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát”.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo các vấn đề đưa ra cuộc họp của Hội đồng quản trị xem xét để trình Đại hội đồng cổ đông hoặc trực tiếp phê duyệt:

- Điều lệ và nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh khác theo Điều lệ Công ty: Giám đốc Nhà máy, Phó Giám đốc Công ty, Trưởng phòng và Kế toán trưởng Công ty.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

- Lập chương trình làm việc của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng, Chủ tịch uỷ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị chủ trì nhưng người được uỷ nhiệm không phải là chủ đề án cần trình bày trong kỳ họp đó.

4. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải có ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt và phải được chuẩn bị trước cuộc họp 03 ngày. Người chủ trì phải có giấy mời và gửi toàn bộ các nội dung cần bàn tới các thành viên Hội đồng quản trị .

Nội dung và kết luận của các cuộc họp đều được Thư ký Công ty ghi thành văn bản và các thành viên Hội đồng quản trị ký tên.

Trong cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đều có quyền yêu cầu Giám đốc Công ty (nếu có tham dự hoặc không tham dự) giải trình cụ thể những vấn đề có liên quan tới sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị có hiệu lực khi được trên 50% số thành viên có mặt đồng ý. Khi số lượng biểu quyết ngang nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ là phiếu quyết định đồng ý hay phản đối.

- Những vấn đề biểu quyết trực tiếp các ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị được ghi vào văn bản và người Chủ trì kết luận biểu quyết.

- Những vấn đề quan trọng cần biểu quyết bằng văn bản thì phải lấy ý kiến của tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên vắng mặt phải gửi ý kiến của mình cho Thư ký chậm nhất 48h (2 ngày) sau khi họp.

- Những vấn đề trong trường hợp cấp bách được lấy ý kiến bằng văn bản mà không cần cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị.

- Những vấn đề quan trọng phải quyết định ngay phải được xử lý kịp thời bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc Công ty và thành viên Hội đồng quản trị (đảm bảo ít nhất 03/05 thành viên Hội đồng quản trị) sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.

6. Tùy theo tính chất từng cuộc họp chủ tịch hội đồng quản trị có thể mời thêm các thành phần được quy định ở khoản 17 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 14: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy của Công ty, Nhà máy để thực hiện các công việc hàng ngày và là đầu mối quan hệ của Hội đồng quản trị với các bộ phận trong, ngoài Công ty.

2. Phòng Tổ chức hành chính Công ty có trách nhiệm chuyên và nhận các văn bản, tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản liên quan đến Hội đồng quản trị thì phải gửi đến Hội đồng quản trị trước, văn bản có tính chất điều hành thì gửi cho Giám đốc Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền làm việc trực tiếp với các phòng Công ty, các Nhà máy để chuẩn bị ý kiến cho kỳ họp của Hội đồng quản trị. Khi làm việc có quyền gợi ý, chất vấn, trao đổi nhưng không được vi phạm chức năng điều hành của Giám đốc Công ty. Khi có vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc Công ty có thể trực tiếp trao đổi với Giám đốc Công ty để kịp thời giải quyết.

Các phòng Công ty, các Nhà máy có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 15: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban giám đốc và Ban kiểm soát;

- Các trường hợp Giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc;

- Các vấn đề Ban giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Điều 16: Thư ký Công ty

Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất 01 người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.

Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Làm biên bản các cuộc họp;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 17: Giám đốc Công ty là người tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; chủ động điều hành sản xuất, kinh doanh theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18: Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng quản lý và kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty, của Giám đốc điều hành. Tạo điều kiện cho Giám đốc công ty tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

Ngoài các quy định nêu tại Điều 34 Điều lệ Công ty, Giám đốc điều hành còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Các vấn đề phải chuẩn bị để đưa ra hội nghị đề nghị Hội đồng quản trị xem xét:

- Phương án thành lập, tách, nhập, giải thể, ngừng sản xuất các đơn vị thành viên, kết nạp thành viên mới, mở chi nhánh cửa hàng của Công ty;

- Điều lệ, quy chế tổ chức lao động của các đơn vị thành viên;

- Tổ chức, biên chế bộ máy quản lý điều hành Công ty và các đơn vị thành viên;

- Các dự án đầu tư theo phân cấp của Điều lệ Công ty;

- + Phương án cho vay, các hợp đồng dự thầu, đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị, hàng hoá có giá trị lớn hơn 10% giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- + Phương án xử lý tài sản tổn thất của Công ty và đơn vị thành viên.

- Đề nghị việc đổi tên và điều chỉnh ngành nghề sản xuất kinh doanh của đơn vị thành viên.

2. Các vấn đề Giám đốc Công ty trực tiếp quyết định:

- Phương án tài chính, điều hoà vốn và các nguồn lực khác trong nội bộ;

- Phương án cho vay, các hợp đồng dự thầu, đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị, hàng hoá có giá trị nhỏ hơn 10% giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- Quy chế lao động, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, quy chế mua bán vật tư sản phẩm và các quy chế nội bộ khác áp dụng trong Công ty;

- Phân cấp tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn hình thức trả lương, thưởng và các chế độ khác phù hợp với quy định của luật pháp;

- Báo cáo hoạt động tháng, quý, năm của Công ty; báo cáo tài chính, phương án hình thành và sử dụng các quỹ của Công ty;

- Các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, đơn giá định mức sản phẩm dịch vụ trong Công ty trên cơ sở định mức của Tổng công ty Viglacera - CTCP;

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các Phó Giám đốc, Phó trưởng phòng, Trưởng ban, Quản đốc phân xưởng các đơn vị trực thuộc;

- Việc nâng lương, nâng bậc, nâng ngạch CBCNV theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các việc phải trình Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty có thể quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, sự cố khác) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quy định đó, đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 19: Phân cấp trách nhiệm một số việc quan trọng của Giám đốc Công ty

1. Trách nhiệm tài chính: Theo Quy chế tài chính và Điều lệ Công ty.

2. Quy định đầu tư:

- Hội đồng quản trị biểu quyết và phê duyệt bằng văn bản thông qua tất cả các dự án đầu tư trong và ngoài Công ty không nằm trong kế hoạch và ngân sách có giá trị lớn hơn 02 tỷ đồng.

- Giám đốc Công ty được quyền quyết định các dự án đầu tư có giá trị không lớn hơn 02 tỷ đồng trên cơ sở nằm trong kế hoạch đầu tư được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Các dự án, công trình phát sinh có giá trị nhỏ hơn 01 tỷ đồng, Giám đốc Công ty có quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Quyết định các hợp đồng kinh tế

- Hội đồng quản trị thông qua, ký duyệt, báo cáo Đại hội đồng cổ đông các hợp đồng cho vay có giá trị trên 02 tỷ đồng và (hoặc) hợp đồng mua bán có giá trị trên 05 tỷ đồng và ban hành văn bản uỷ quyền cụ thể để Giám đốc Công ty có quyết định điều hành.

- Giám đốc Công ty chủ động ký duyệt các hợp đồng kinh tế có giá trị dưới mức trên.

4. Quyết định nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản cố định bù đắp tổn thất tài sản

- Hội đồng quản trị thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông với những tài sản có giá trị lớn và tổng số giá trị tài sản thực hiện trong năm và kế hoạch năm kế tiếp.

- Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị duyệt nhượng bán, cho thuê, cầm cố, thanh lý tài sản cố định, bù đắp tổn thất tài sản có giá trị lớn hơn 500 triệu đồng.

Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng các văn bản cụ thể để Giám đốc Công ty điều hành.

- Giám đốc Công ty có quyền duyệt nhượng bán, cho thuê, cầm cố, thanh lý, bù đắp tổn thất tài sản có giá trị không lớn hơn 500 triệu đồng.

5. Duyệt kế hoạch.

- Hội đồng quản trị:

+ Thông qua và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn của Công ty.

+ Phê duyệt kế hoạch hàng năm của Công ty.

- Giám đốc Công ty: Phê duyệt và giao kế hoạch tháng, quý của các Nhà máy trên cơ sở kế hoạch năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

6. Công tác cán bộ.

- Hội đồng quản trị:

+ Bổ nhiệm thành viên mới để thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp sau.

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật: Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc Nhà máy.

+ Khen thưởng, kỷ luật các thành viên Hội đồng quản trị.

+ Tổng biên chế bộ máy quản lý điều hành Công ty, các Nhà máy và điều chỉnh cần thiết khi có đề nghị của Giám đốc công ty.

- Giám đốc Công ty:
 - + Báo cáo Hội đồng quản trị trước khi quyết định biên bộ máy quản lý.
 - + Đề nghị Hội đồng quản trị khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, miễn nhiệm: Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhà máy.
 - + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật: Phó giám đốc Nhà máy, Trưởng phòng, phó trưởng phòng Công ty, Trưởng ban, phó Trưởng ban, Quản đốc phân xưởng.
 - + Phân cấp tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và đào tạo lại người lao động cho các đơn vị trực thuộc.

CHƯƠNG V

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 20: Tiêu chuẩn tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là: Cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
 - b) Không phải là: Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;
 - c) Không phải là: Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác.
 - d) Không phải là: Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
 - đ) Không phải là: Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

e) Không phải là: Người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của Công ty.

g) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

h) Là người: Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

i) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

k) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

l) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

m) Là người: Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên giới thiệu và đề cử. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở không đề cử đủ số ứng viên thì phải do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty hoặc là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc tại doanh nghiệp khác có cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là trưởng Ban kiểm soát;

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải đảm bảo rằng các thông tin đó trung thực.

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và Ban kiểm soát phán quyết rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21: Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 22: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và phải đảm bảo rằng các thông tin đó trung thực.

2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

- Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự

hợp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

- Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

- Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty niêm yết.

- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này.

Điều 24: Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Điều 25: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa Công ty với

chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức thực hiện.

Điều 26: Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty niêm yết phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 27: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

- Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 28: Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 29: Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
- Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát;
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
- Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 30: Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- Địa chỉ liên lạc;
- Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
- Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;

- Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
- Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 31: Tổ chức công bố thông tin

Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- Bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin;
- Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm;
- Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - + Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - + Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - + Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - + Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32: Báo cáo

Định kỳ 06 tháng, năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 33: Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua và ký quyết định ban hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các đơn vị trong Công ty có trách nhiệm thi hành theo chức năng và nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật .

T/M HĐQT CÔNG TY


CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY
Nguyễn Văn Cơ